**TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG**

**MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 8**

**Tuần 35: từ ngày 17/5/2021 đến 22/5/2021**

**Nộp bài trước: 17 giờ ngày 21/5/2021**

**A. TIẾT 1,2 : HỆ THỐNG KIẾN THỨC ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Kiến thức:**

Sau bài học, học sinh cần:

- Vị trí phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.

- Đặc điểm tự nhiên nổi bật của địa lí Việt Nam (Địa hình, khí hậu, sông ngòi,…).

1. **Kĩ năng**

Rèn luyện kĩ năng phân tích mối liên hệ giữa các thành phần tự nhiên.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức hệ thống và ôn tập kiến thức khi tự học ở nhà.

- Tinh thần cố gắng học tập, vượt qua mọi thử thách khó khăn để hoàn thành tốt việc học tập của các nhân.

- Thấy được sự cần thiết bảo vệ chủ quyền trên biển, tài nguyên biển và vấn đề bảo vệ môi trường vùng biển là rất quan trọng và cấp bách.

**II. Nội dung bài học:**

**1. Vị trí giới hạn lãnh thổ.**

a. Phần đất liền.

- Cực Bắc: 23023’B – 105’Đ.

- Cực Nam: 8034’ B – 104040’ Đ.

- Cực Tây: 22022’ B – 102010’ Đ.

- Cực Đông: 12040’B – 109024’ Đ.

- Nằm trong đới khí hậu nhiệt đới diện tích 331212 km2

b. Phần biển.

- Biển nước ta nằm phía đông lãnh thổ có rất nhiều đảo và quần đảo.

- Diện tích khoảng 1 triệu km2

c. Đặc điểm vị trí địa lí Việt Nam về mặt tự nhiên.

- Nằm trong vùng nội chí tuyến.

- Trung tâm khu vực đông Nam Á.

- Cầu nối giữa đất liền và hải đảo.

- Nơi giao lưu giữa các luồng gió mùa và sinh vật.

**2. Đặc điểm lãnh thổ.**

a. Phần đất liền.

- Lãnh thổ kéo dài bề ngang phần đất liền hẹp.

- Đường bờ biển uốn khúc chữ S dài 3.200km.

- Vị trí, hình dạng. Kích thước lãnh thổ có ý nghĩa lớn trong hình thành đặc điềm địa lí tự nhiên độc đáo.

- Nước ta có đủ điều kiện phát triển nhiều loại hình giao thông vận tải. Nhưng trở ngại do thiên tai.

b. Phần biển.

- Biển nước ta mở rộng về phía Đông có nhiều đảo, quần đảo, vịnh biển.

- Có ý nghĩa chiến lược về an ninh và phát triển kinh tế.

**3. Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam**

- Địa hình Việt Nam đa dạng, nhiều kiểu loại

+ Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ là bộ phận quan trọng nhất.

+ Chủ yếu là đồi núi thấp

- Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ.

**4. Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau.**

-Vận động tạo núi ở giai đoạn Tân kiến tạo địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau.

- Sự phân bố các bậc địa hình như đồi núi và đồng bằng, thềm lục địa thấp dần từ nội địa ra tới biển.

- Địa hình nước ta có hai hướng chính: Tây Bắc - Đông Nam và vòng cung.

**5. Địa hình nước ta mạng tính chất nhiệt đới gió mùa và chiệu tác động mạnh mẽ của con người.**

- Đá trên bề mặt bị phong hoá mạnh mẽ.

- Các khối núi bị cắt xẻ, xâm thực xói mòn.

- Địa hình luôn biến đổi sâu sắc do tác động mạnh mẽ của môi trường nhiệt đới gió mùa ẩm và do con người khai phá.

**6. Tính chất nhiệt đới gió mùa**

a. Tính chất nhiệt đới

- Quanh năm nhận lượng nhiệt dồi dào.

+ Số giờ năng trong năm cao

+ Số Kcalo/m2 : 1 triệu

- Nhiệt độ trung bình năm trên 210C

b. Tính chất gió mùa ẩm

- Trong năm có hai mùa rõ rệt, mùa đông lạnh khô và mùa hạ nóng ẩm.

- Gió mùa mang lại lượng mua lớn và độ ẩm cao.

- Hạ thấp nhiệt độ độ ẩm không khí cao 80%

- Lượng mưa lớn.

**7. Tính chất đa dạng và thất thường**

a. Tính đa dạng của khí hậu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Miền khí hậu** | **Phạm vi** | **Đặc điểm** |
| **Phía Bắc** | Hoành Sơn (180 B) trở ra | - Mùa đông lạnh: ít mưa 1/2 cuối có mưa phùn  - Mùa hè: nóng, nhiều mưa. |
| **Đông Trường Sơn** | Từ Hoành Sơn đến mũi Dinh | - Mùa mưa dịch sang mùa đông |
| **Phía Nam** | Nam Bộ - Tây Nguyên | - Khí hậu cận xích đạo, nóng quanh năm, một năm có hai mùa: mùa khô và mùa mưa. |
| **Biển Đông** | Vùng biển Việt Nam | - Mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương. |

b. Tính thất thường của khí hậu

- Nhiệt độ trung bình thay đổi các năm lượng mưa mỗi năm một khác.

- Năm rét sớm, năm rét muộn, năm mưa lớn, năm khô hạn.

- Gió tây khô nóng nước ta.

**8. Đặc điểm sông ngòi nước ta**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mạng lưới** | **Hướng chảy** | **Mùa nước** | **Lượng phù sa** |
| \* Số lượng sông:  - 2360 dòng sông  - 93% sông ngắn và nhỏ | \* Hướng chảy chính:  - Tây Bắc - Đông Nam  - Vòng cung | \* Mùa nước:  - Mùa lũ  - Mùa cạn | \* Hàm lượng phù sa:  - Lớn  - Trung bình 232g/m3 |
| \* Đặc điểm mạng lưới sông;  - Dày đặc  - Phân bố rộng  \* Các sông lớn :  - Sông Hồng  - Sông Mê Công (s. Cửu Long) | \* Các sông điển hình cho các hướng:  - TB - ĐN: Sông Hồng, sông Đà.... sông Tiền, Sông Hậu  - Vòng cung: Sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam... | \* Sự chênh lệch lượng nước giữa các mùa:  - Mùa lũ lượng nước tới 70 - 80 % lượng cả năm | \* Tổng lượng phù sa:  - 200 triệu tấn/ năm  - Sông Hồng 120 triệu tấn / năm (chiểm 60%)  - Sông Cửu Long 70 triệu tấn / năm (chiếm 35%) |

**9. Khai thác kinh tế và bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông.**

- Sông ngòi Việt Nam có gia trị lớn về nhiều mặt

- Biện pháp khai thác tổng hợp: Xây dựng công trình thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông....

- Biện pháp chống ô nhiễm:

+ Bảo vệ rừng đầu nguồn.

+ Xử lí tốt các nguồn rát, chất thải công nghiệp, dịch vụ.

+ Bảo vệ khai thác hợp lí các nguồn lợi từ sông.

**10. Sông ngòi Bắc Bộ**

- Mạng lưới sông ngòi Bắc Bộ có dạng nang quạt.

- Chế độ nước thất thường.

- Hệ thống sông chín: sông Hồng

**11. Sông ngòi Trung Bộ**

- Ngắn, dốc

- Mùa lũ vào thu và đông. Lũ lên nhanh đột ngột.

**12. Sông ngòi Nam bộ**

- Khá điều hoà, ảnh hưởng của thuỷ triều lớn.

- Mùa lũ từ tháng 7 - tháng 11.

**B. BÀI TẬP**

**Câu 1:**  **Diện tích tự nhiên, bao gồm cả phần đất liền và hải đảo của nước ta rộng bao nhiêu?**

1. 330212 km2
2. 331212 km2
3. 332212 km2
4. 333212 km2

**Câu 2: Điểm cực Nam phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh thành nào?**

1. Bến Tre
2. Tiền Giang
3. Hậu Giang
4. Cà Mau

**Câu 3: Nơi hẹp nhất theo chiều tây-đông của nước ta thuộc tỉnh thành nào?**

1. Quảng Bình
2. Quảng Trị
3. Quảng Nam
4. Quảng Ngãi

**Câu 4:  Vịnh nào của nước ta đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thê giới:**

1. Vịnh Dung Quất
2. Vịnh Hạ Long
3. Vịnh Cam Ranh
4. Vịnh Thái Lan

**Câu 5:**  **Hướng nghiêng của địa hình Việt Nam:**

1. Tây - Đông
2. Bắc - Nam
3. Tây Bắc - Đông Nam
4. Đông Bắc - Tây Nam

**Câu 6: Núi Ngọc Linh (2598m) thuộc dãy:**

1. Trường Sơn Nam
2. Trường Sơn Bắc
3. Hoàng Liên Sơn
4. Tất cả đều sai.

**Câu 7: Nước ta có nhiều sông suối, phần lớn là:**

1. **Sông nhỏ, ngắn, dốc.**
2. Sông dài, nhiêu phù sa.
3. Thuộc loại trung bình, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
4. Sông bắt nguồn từ trong nước.

**Câu 8: Hồ Hòa Bình nằm trên sông nào?**

1. Sông Mã
2. Sông Đà
3. Sông Hồng
4. Sông Chảy

**Câu 9: Sông chảy theo hướng vòng cung là:**

**A.** Sông Chảy

B. Sông Mã

C. Sông Gâm

D. Sông Mê Công

**Câu 10: Đỉnh lũ của sông ngòi Bắc Bộ vào tháng mấy?**

A. Tháng 6

B. Tháng 7

C. Tháng 8

D. Tháng 9

**C. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi kiến thức đã học và làm vào tập Địa.

- Làm bài tập theo link:

<https://forms.gle/2turH7UJ7Jw8Es5c8>

- Thời gian làm bài từ ngày 17/5/2021 đến 17 giờ ngày 21/5/2021.

- Khi làm bài học sinh nhớ ghi đầy đủ họ và tên, lớp.

- Học sinh ghi nội dung bài học (phần lý thuyết) vào tập.

- Liên hệ với giáo viên dạy mình nếu có thắc mắc:

**\* Thầy Trần Văn Đạt**

• Zalo: 0976264529

**\* Cô Phan Huỳnh Diệu**

• Zalo: 0968865744

- Chúc các em hoàn thành bài tốt và đạt kết quả cao nhé!